

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Tên thương mại	SHL EDM 32
----------------	------------

1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên thương mại	SHL EDM 32
Mô tả sản phẩm	Hỗn hợp hydrocacbon dầu mỏ
Ứng dụng	Dầu gia công bằng phóng điện
Phân loại nguy hiểm	Gây kích ứng
Tên và địa chỉ nhà sản xuất	SHL ASEAN CO., LTD.
Địa chỉ:	Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1-Conac, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.
TEL:	+84(0) 2543 876 287 - Fax: +84(0) 2543 876 288
Tên nhà cung cấp	SHL ASEAN CO., LTD.
Phòng ban	Viện kỹ thuật

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

PHÂN LOẠI NGUY HIỂM

Kích ứng da. Hạng loại 2.

Kích ứng mắt. Hạng loại 2

Độc tính hít phải. Loại 1

YẾU TỐ NHÃN DÁN

Hình GHS.



Từ ký hiệu

Nguy hiểm

Báo cáo nguy hiểm

H304: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp

H315: Gây kích ứng da

H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Biện pháp phòng ngừa

Ngăn ngừa

P233: Đậy chặt thùng chứa.

P264: Rửa tay và cơ thể sạch sau khi xử lý.

P280: Mang găng tay bảo hộ / quần áo bảo hộ / bảo vệ mắt / bảo vệ mặt.

Biện pháp đối phó

P314: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P331: KHÔNG gây nôn mửa.

P362: Cởi quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

P301+P310: NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ / dược sĩ.

P302 + P352: NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P332 + P313: Nếu xảy ra kích ứng da: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế.

P337 + P313: Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế.

P305 + P351 + P338: NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút.

Bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục xả.

Bảo quản

P405: Lưu trữ đậy kín sản phẩm.

Xử lý

P501: Xử lý các chất/ thùng chứa theo các quy tắc và các quy định hiện hành.

CÁC NGUY HIỂM KHÁC:

Các mối nguy vật lý / hóa học:

Vật liệu có thể tích tụ các điện tích tĩnh có thể gây ra cháy.

Mối nguy hiểm sức khỏe:

Có thể gây khó chịu cho mắt, mũi, họng và phổi.

Phơi nhiễm nhiều lần có thể gây ra khô hay nứt da.

Chỉ số NFPA

Hydrocacbon nhẹ đã xử lý hydro : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 2, Phản ứng : 0

3. THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Nhận danh hóa chất	Đồng danh	Số CAS	Nồng độ (%)
Sản phẩm chưng cất nhẹ đã qua xử lý hydro	Sản phẩm chưng cất nhẹ đã qua xử lý hydro	64742-47-8	≥ 99
Bảo mật	Bảo mật	Bảo mật	< 1

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Dính vào mắt

Rửa sạch với nước.

Nếu kích ứng xảy ra, nhận trợ giúp y tế.

Tháo bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng làm. Tiếp tục rửa.

Nếu mắt vẫn tiếp tục đỏ ngứa và sưng huyết, nhận điều trị y tế.

Dính vào da

Rửa vùng tiếp xúc với xà phòng và nước.

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn.

Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

Nếu sự kích ứng da vẫn tiếp tục, nhận điều trị y tế.

Hít phải

Di chuyển ra xa nơi tiếp xúc.

Đối với những người cung cấp hỗ trợ, hãy tránh tiếp xúc với chính bạn hoặc người khác.

Sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp đầy đủ.

Nếu xảy ra kích ứng đường hô hấp, chóng mặt, buồn nôn hoặc bất tỉnh, hãy tìm kiếm sự trợ giúp y tế ngay lập tức.

Nếu ngừng thở, hỗ trợ thông khí bằng thiết bị cơ học hoặc sử dụng phương pháp hô hấp nhân tạo.

Nuốt phải

Tìm sự chăm sóc y tế ngay lập tức.

Nếu xảy ra kích ứng, hãy nhờ hỗ trợ y tế.

Ngăn ngừa nôn mửa. Nếu bị nôn, giữ đầu thấp hơn hông để tránh tắc nghẽn đường thở.

CÁC TRIỆU CHỨNG VÀ ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG NHẤT, CẢ CẢM ỨNG VÀ BỊ TRÌ HOÃN

Nhức đầu, chóng mặt, buồn ngủ, buồn nôn và các hiệu ứng thần kinh trung ương khác.

Da mẩn đỏ, khô nứt.

CHỈ DẪN CHĂM SÓC Y TẾ KHẨN CẤP VÀ ĐIỀU TRỊ ĐẶC BIỆT KHI CẦN

Nếu nuốt phải, vật liệu có thể bị hít vào phổi và gây viêm phổi do hóa chất.

Điều trị đúng cách.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

Phương tiện dập lửa phù hợp : Hóa chất khô, carbon dioxide, nước phun sương, bột bình thường.

Phương tiện chữa cháy không thích hợp: Xối thẳng dòng nước.

CHẤT NGUY HIỂM SINH RA TRONG QUÁ TRÌNH ĐÓT CHÁY

Khói, hơi khói, các sản phẩm cháy không hoàn toàn, các oxit của cacbon.

HƯỚNG DẪN CHỮA CHÁY

Sơ tán khu vực.

Ngăn chặn dòng cháy lan từ việc kiểm soát lửa hoặc sự pha loãng vào suối, cống hoặc nguồn nước uống.

Các nhân viên cứu hỏa nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian khép kín, sử dụng thiết bị thở khép kín (SCBA).

Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể.

Dùng bình xịt nước để làm nguội các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.

HƯỚNG DẪN CHỮA CHÁY

Điểm chớp cháy [phương pháp]: 92 °C (ASTM D93)

Trên/dưới giới hạn cháy (thể tích % xấp xỉ trong không khí): Không có dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có dữ liệu

6. CÁC BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN

THẬN TRỌNG CÁ NHÂN, THIẾT BỊ BẢO VỆ VÀ THỦ TỤC CẤP CỨU

Thủ tục thông báo

Trong trường hợp có sự cố tràn hoặc rò rỉ, thông báo cho cơ quan chức năng có liên quan với các quy định hiện hành.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ

Tránh tiếp xúc với vật liệu bị đổ. Cảnh báo hoặc sơ tán những người cư ngụ ở các khu vực xung quanh và có gió nếu cần thiết, do tính độc hoặc dễ cháy của vật liệu. Xem Phần 5 để biết thông tin chữa cháy.

Xem Phần Nhận dạng Mối nguy để biết Các Mối nguy Đáng kể. Xem Phần 4 để được Tư vấn về Sơ cứu.

Xem Phần 8 để được tư vấn về các yêu cầu tối thiểu đối với thiết bị bảo vệ cá nhân.

Các biện pháp bảo vệ bổ sung có thể cần thiết, tùy thuộc vào các trường hợp cụ thể và / hoặc đánh giá chuyên môn của những người ứng cứu khẩn cấp. Đối với người ứng cứu khẩn cấp: Bảo vệ hô hấp: mặt nạ phòng độc nửa mặt hoặc toàn mặt với (các) bộ lọc hơi hữu cơ và, nếu có, có thể sử dụng H₂S hoặc Thiết bị thở tự chứa (SCBA) tùy thuộc vào kích thước của sự cố tràn và mức độ tiềm ẩn của sự tiếp xúc.

Nếu không thể xác định được hoàn toàn sự phơi nhiễm hoặc có thể xảy ra hoặc dự đoán được bầu không khí thiếu oxy, thì nên dùng SCBA. Nên sử dụng găng tay làm việc có khả năng chống lại hydrocacbon thơm. Lưu ý: găng tay làm bằng polyvinyl axetat (PVA) không chịu nước và không thích hợp để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp. Nên dùng kính bảo hộ chống hóa chất nếu có thể bị bắn hoặc tiếp xúc với mắt.

Sự cố tràn nhỏ: quần áo bảo hộ lao động chống tĩnh điện thông thường thường vừa đủ.

Sự cố tràn lớn: nên mặc quần áo toàn thân bằng vật liệu chống hóa chất, chống tĩnh điện.

CHÚ Ý BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Sự cố tràn lớn: Đề vượt xa sự cố tràn chất lỏng để phục hồi và xử lý sau này. Ngăn chặn sự xâm nhập vào đường thủy, cống rãnh, tầng hầm hoặc khu vực hạn chế.

Không tiếp xúc trực tiếp với môi trường tự nhiên.

Xử lý chất này như nước thải để ngăn ngừa ô nhiễm nước.

Nếu khu vực bị ô nhiễm, loại bỏ chất bằng cách sử dụng chất hấp thụ.

PHƯƠNG PHÁP VÀ VẬT LIỆU ĐỂ NGĂN CHẶN VÀ LÀM SẠCH

Tràn đất: Ngừng rò rỉ nếu bạn có thể làm như vậy mà không gặp rủi ro. Thấm hoặc phủ bằng đất khô, cát hoặc vật liệu khó cháy khác và chuyển vào thùng chứa. Phục hồi bằng cách bơm hoặc với chất hấp thụ thích hợp.

Tràn nước: Ngừng rò rỉ nếu bạn có thể làm như vậy mà không gặp rủi ro. Cảnh báo vận chuyển khác. Xóa khỏi bề mặt bằng cách hút bọt hoặc với chất hấp thụ thích hợp. Tìm kiếm lời khuyên của bác sĩ chuyên khoa trước khi sử dụng chất phân tán.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

CHÚ Ý TRONG XỬ LÝ AN TOÀN

Tránh tiếp xúc với da. Ngăn chặn sự cố tràn và rò rỉ nhỏ để tránh nguy cơ trượt.

Vật liệu có thể tích tụ các điện tích tĩnh có thể gây ra tia lửa điện (nguồn đánh lửa).

Khi vật liệu được xử lý với số lượng lớn, tia lửa điện có thể đốt cháy bất kỳ hơi dễ cháy nào từ chất lỏng hoặc cặn có thể có (ví dụ, trong các hoạt động chuyển tải).

Sử dụng quy trình liên kết và / hoặc nối đất thích hợp. Tuy nhiên, việc liên kết và nối đất có thể không loại bỏ được nguy cơ do tích tụ tĩnh điện.

Nhiệt độ tải hàng/ dỡ hàng: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Nhiệt độ vận chuyển: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất khi vận chuyển: Áp suất môi trường xung quanh.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ LƯU TRỮ AN TOÀN

Đậy kín thùng chứa. Xử lý các thùng chứa một cách cẩn thận.
 Mở từ từ để kiểm soát việc xả áp suất có thể xảy ra.
 Đậy kín thùng chứa và không để tác động vật lý lên thùng.
 Bảo quản ở khu vực thoáng mát, thông gió tốt. Các thùng chứa phải được đặt dưới đất.
 Các thùng chứa cố định, thùng chuyển và thiết bị liên quan phải được nối đất và liên kết để ngăn tích tụ điện tích.
 Lưu trữ chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.
 Bảo quản ở khu vực thoáng mát và thông gió tốt.
Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ môi trường xung quanh.
Áp suất bảo quản: Áp suất môi trường xung quanh.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP

Nhận dạng hóa học	Giới hạn phơi nhiễm ở Hàn Quốc	Hoạt động kiểm soát ACGIH	Giới hạn phơi nhiễm sinh học
Sản phẩm chưng cất nhẹ đã qua xử lý hydro	Không có dữ liệu	WA : 200 mg/m3 (da)	Không có dữ liệu

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Cần cung cấp hệ thống thông gió thích hợp để không vượt quá giới hạn phơi nhiễm.
 Sử dụng thiết bị thông gió chống cháy nổ.
 Kiểm tra xem độ phơi sáng có phù hợp với tiêu chí phơi sáng hay không.

BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các lựa chọn thiết bị bảo vệ cá nhân khác nhau dựa trên các điều kiện tiếp xúc tiềm ẩn như ứng dụng, thực hành xử lý, nồng độ và thông gió. Thông tin về việc lựa chọn thiết bị bảo hộ để sử dụng với vật liệu này, như được cung cấp dưới đây, dựa trên mục đích sử dụng bình thường.

Bảo vệ đường hô hấp

Cần có khẩu trang nếu chất lỏng này thường xuyên được sử dụng hoặc tiếp xúc quá nhiều.

Bảo vệ mắt

Đeo kính bảo hộ chống hóa chất để ngăn mắt tiếp xúc với vật liệu phân tán hoặc chất lỏng có hại.

Lắp đặt hệ thống phun rửa mắt gần khu vực làm việc.

Bảo vệ tay

Mang găng tay chống hóa chất.

Bảo vệ cơ thể

Mặc quần áo bảo hộ chống hóa chất.

9. THÔNG TIN LÝ HÓA

Nhận dạng	Chất lỏng không màu
Mùi	Mùi hydrocarbon đặc trưng
pH	Không áp dụng
Điểm nóng chảy/ Điểm đông đặc	< -30 °C
Điểm sôi	200 - 240 °C
Điểm chớp cháy	92 °C (ASTM D93)
Sự Oxi hóa	Ổn định
Tính dễ cháy	Điểm cháy cao hơn điểm chớp cháy
Sự cháy nổ	Ổn định
Áp suất hơi	< 1 mmHg @ 20°C
Độ hòa tan trong nước	Không hòa tan trong nước
Mật độ hơi	> 1 (Không khí=1)
Tỷ trọng	0.804 (15/4°C)
Hệ số phân phối	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Khoảng 240 °C
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu

Độ nhớt	1.95 cSt (40°C)
Trọng lượng phân tử	Không có dữ liệu

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

ĐỘ ỔN ĐỊNH HÓA HỌC

Vật liệu ổn định dưới điều kiện thường.

KHẢ NĂNG SINH RA CÁC PHẢN ỨNG NGUY HIỂM

Không mong đợi

ĐIỀU KIỆN VÀ CÁC CHẤT CẦN TRÁNH

Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác.

CÁC SẢN PHẨM PHÂN HỦY NGUY HIỂM

Các sản phẩm phân hủy nhiệt. Có thể bao gồm các hợp chất carbon độc hại (ví dụ CO).

11. THÔNG TIN CHẤT ĐỘC

THÔNG TIN NGUY CƠ KHẨN CẤP VÀ NGUY HẠI

Hít phải

Hít phải hơi có thể gây kích ứng đường hô hấp và mắt, có thể gây nhức đầu và chóng mặt, gây mê và có thể có các ảnh hưởng hệ thần kinh trung ương khác.

Đánh vào mắt

Có thể gây kích ứng.

Đánh vào da

Có thể gây kích ứng nhẹ. Da tiếp xúc lâu dài và / hoặc lặp đi lặp lại với các vật liệu có độ nhớt thấp có thể làm mất chất béo của da, dẫn đến có thể bị kích ứng và viêm da.

Nuốt phải

Một lượng nhỏ chất lỏng được hút vào phổi trong quá trình uống hoặc do nôn mửa có thể gây ra viêm phổi do hóa chất hoặc phù phổi.

THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Độc tính đường miệng cấp tính LD50 > 5000 mg/kg Chuột

Độc tính cấp tính trên da LD50 > 2000 mg/kg Thỏ

Độc tính cấp tính khi hít phải LC50 > 3 mg/l 4 hr Chuột (hơi dầu)

Kích ứng da Gây kích ứng

Kích ứng mắt Gây kích ứng

Nhạy cảm đường hô hấp Không được cho là chất gây mẫn cảm đường hô hấp.

Nhạy cảm da Không được cho là chất gây mẫn cảm cho da.

Độc tính cấp tính Không có dữ liệu

Độc tính liều lặp lại Không có dữ liệu

Đột biến gen Không được cho là một chất gây đột biến tế bào mầm.

Ảnh hưởng đối với thế hệ tiếp theo (Độc tính sinh sản) Không được cho là chất độc hại cho sinh sản. Dựa trên dữ liệu thử nghiệm cho các vật liệu tương tự về cấu trúc.

Tính gây ung thư Không được cho là gây ung thư.

Hô hấp Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

Lời khuyên bổ sung Tiếp xúc nhiều lần có thể làm giảm chất béo của da và dẫn đến viêm da.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI

ĐỘC TÍNH THỦY SINH MẮN TÍNH

Dự kiến chất này không gây độc cho cá, động vật không xương sống, tảo và vi sinh vật trong phạm vi hòa tan trong nước

LAN TRÊN ĐẤT

Độ hòa tan thấp, trôi nổi và dự kiến sẽ di chuyển từ nước vào đất.

KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG SINH HỌC

Không được mong đợi là có thể phân hủy sinh học dễ dàng.

13. XEM XÉT XỬ LÝ

QUY ĐỊNH CỦA VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Phân loại theo chất thải quy định.

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Xử lý theo hệ thống tự xử lý hợp pháp hay thông qua công ty xử lý chất thải.

CHÚ Ý KHI XỬ LÝ

Thực hiện theo các tiêu chí chi tiết của Luật Kiểm soát Chất thải.

Cảnh báo thùng chứa rỗng

Các thùng chứa rỗng có thể chứa chất dư thừa và có thể nguy hiểm.

Không cố làm đầy hay làm sạch các thùng chứa khi không có các hướng dẫn thích hợp.

Các thùng phi trống nên trút hết chất và lưu trữ an toàn cho tới khi sửa chữa lại hay xử lý.

Các thùng phi trống nên đưa vào tái chế, phục hồi, hay xử lý thông qua nhà thầu có chất lượng phù hợp hay đã có giấy phép và theo các quy định của nhà nước.

KHÔNG TẠO ÁP LỰC, CẮT, HÀN, KHOAN, XAY, MÀI HAY ĐỂ THÙNG CHỨA TIẾP XÚC VỚI NHIỆT, LỬA, TIA LỬA ĐIỆN, ĐIỆN TÍNH HOẶC CÁC NGUỒN BẤT LỬA KHÁC.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Phân loại và Quy định Theo Quy tắc Vận chuyển và Lưu trữ Tàu của vật liệu nguy hiểm của Luật An toàn Tàu

Không quy định.

Cẩn thận trong quá trình vận chuyển

Không có dữ liệu

Ô nhiễm môi trường biển

Không có dữ liệu

Phân loại và Quy định Theo Quy tắc Vận tải Nước ngoài

Không được quản lý để vận chuyển theo mã UN, IMDG, ADR / RID, IATA / ICAO

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Quy định theo Luật Kiểm soát Chất độc

của Bộ khác, như Luật Kiểm soát Chất độc Không áp dụng
hại

Luật Kiểm soát chất độc hại Không áp dụng

Luật Kiểm soát an toàn khí áp cao Không áp dụng

Luật Kiểm soát chất thải Phân loại theo chất thải đã quy định.

Luật về quản lý an toàn hàng nguy hiểm

Loại dầu mỏ thứ ba thuộc loại chất độc hại thứ tư.

Quy định theo luật nước ngoài

USA : CERCLA 103(40CFR302.4) : Không áp dụng

OSHA(29CFR1910.119) : Không áp dụng

SARA 302(40CFR355.30) : Không áp dụng

SARA 304(40CFR355.40) : Không áp dụng

SARA 313(40CFR372.65) : Không áp dụng

OSHA(29CFR1910.119) : Không áp dụng

EU: Thông tin phân loại: Xn

Cụm từ rủi ro: R65 Có hại: có thể gây tổn thương phổi nếu nuốt phải.

Cụm từ an toàn: S2 Tránh xa tầm tay của trẻ em.

S23 Không hít thở khí / khói / hơi / phun

S24 Tránh tiếp xúc với da.

S62 Nếu nuốt phải, không gây nôn: đến bác sĩ ngay lập tức và xuất trình hộp hoặc nhãn này.

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Nguồn

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Hàn Quốc và nhà cung cấp nguyên vật liệu thô.

Viết ngày

23/02/1999

Số lần sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày

Rev. 11

15/06/2021

Tài liệu tham khảo khác

Các thông tin và khuyến nghị ở đây là kiến thức tốt nhất và niềm tin của chúng tôi, chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày ban hành. Các thông tin và khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng xem xét, kiểm tra. Đó là trách nhiệm của người sử dụng để đáp ứng rằng sản phẩm là phù hợp cho mục đích sử dụng. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, trách nhiệm của người mua là đảm bảo phù hợp sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác đính kèm trên thùng chứa. Các thủ tục xử lý an toàn và cảnh báo phù hợp nên được cung cấp cho người xử lý và người sử dụng. Nghiêm cấm việc thay đổi tài liệu này. Trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, không được phép công bố lại hoặc truyền lại toàn bộ hay một phần tài liệu này. Nếu bạn mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba để sử dụng ở nơi làm việc, trách nhiệm của bạn là nắm rõ các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ ai xử lý hoặc sử dụng sản phẩm được cung cấp đầy đủ thông tin trong bảng này. Nếu bạn là chủ, trách nhiệm của bạn là nói cho nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ nguy hiểm đã được mô tả trong bảng này và của bất kỳ sự phòng ngừa nên được nắm rõ.